

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 229/2019/HSPT

Ngày 02 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Duy Thuần.

2. Ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 214/2019/HS-PT ngày 02/7/2019, đối với bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Chứa mại dâm”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2019/HS-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn C, sinh ngày 06/10/1978 tại tỉnh Đồng Nai;

Nơi cư trú: 69/14 Nguyễn Đình C1, tổ dân phố 2, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Trần Thị B1, sinh năm: 1949; bị cáo có vợ là Đặng Thị N, sinh năm: 1977 và 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/01/2019 đến ngày 11/01/2019 tại nhà tạm giữ Công an thị xã B thì bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/01/2019 đến nay, hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn C là chủ kinh doanh nhà nghỉ TN tại số nhà 69/14 đường Nguyễn Đình C1 thuộc tổ dân phố 2, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình kinh doanh, bị cáo biết đối tượng Cao Thị L sinh năm 1991 tạm trú tại tổ dân

phố 2, phường A, thị xã B là gái bán dâm hay đến nhà nghỉ TN thuê phòng để bán dâm. Vào khoảng 15 giờ ngày 02/01/2019 Nguyễn Văn D, sinh năm 1972 và Lê Văn T sinh năm 1974 cùng trú tại xã CP, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến nhà nghỉ TN thuê phòng để nghỉ. Trong quá trình ở tại nhà nghỉ, D hỏi C có gái bán dâm không gọi cho 02 người tới để mua dâm, thì C đồng ý và lấy điện thoại gọi cho L đến nhà nghỉ của mình để bán dâm và nhờ L gọi thêm cho một gái bán dâm nữa đến để bán dâm cho khách, L đồng ý. Trong lúc nghe điện thoại của C, thì có Trần Thị C2, sinh năm 1997 là người ở cùng phòng trọ với L nghe được việc L chuẩn bị đi bán dâm, nên C2 xin L cùng đi bán dâm, L đồng ý, sau đó hai người gọi xe TAXI chở đến nhà nghỉ TN để bán dâm. Trong khi ngồi nhậu chờ gái bán dâm đến, C nói giá bán dâm của L là 600.000 đồng, của C2 là 500.000 đồng, tiền thuê phòng giá 200.000 đồng/phòng, còn tiền nhậu tính sau thì D, T đồng ý, sau đó D và T mỗi người đưa cho C 1.000.000 đồng, C nhận 2.000.000 đồng và dặn không nói gì với gái bán dâm về giá cả việc mua, bán dâm, số tiền này C dùng trả mua bia hết 1.200.000 đồng, còn 800.000 đồng C giữ. Một lúc sau L và C2 đến thì C, D và T đang ngồi uống bia, thì L và C2 cũng ngồi vào uống, lúc này C bố trí cho L và T vào phòng nghỉ số 03, C2 và D vào phòng nghỉ số 08 để thực hiện việc mua bán dâm. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, trong khi L và T, D và C2 đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt quả tang, tạm giữ người cùng tang vật.

Kết luận định giá tài sản số 05/HĐĐG ngày 21/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thị xã B, kết luận: 02 căn phòng mà bị cáo sử dụng làm địa điểm chứa mại dâm có tổng giá trị là 60.877.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk thu giữ khi bắt quả tang và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ bao gồm: 02 bao cao su đã qua sử dụng và 05 bao cao su chưa sử dụng; số tiền 800.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia, model TA-1034 màu đen, bên trong có sim số 0944218287; 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 40 O 8002783 và 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 68 cùng mang tên Nguyễn Văn C; 01 điện thoại Nokia, model TA-1010 màu đen, bên trong có sim số 0898 609 259.

Quá trình điều tra bị cáo C tự nguyện giao nộp số tiền 1.200.000 đồng, đây là số tiền bị cáo thu của người mua dâm (trong đó: 400.000 đồng tiền phòng; 300.000 đồng tiền mua dâm và 500.000 đồng tiền mời và bia).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2019/HS-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Chứa mại dâm”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 02/01/2019 đến ngày 11/01/2019

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/6/2019 bị cáo Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý và đúng pháp luật. Mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù đối với bị cáo C là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có cung cấp thêm tình tiết đã nộp hết toàn bộ số tiền sung công quỹ Nhà nước và nộp án phí hình sự sơ thẩm thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo C, áp dụng điểm b khoản Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS cho bị cáo được hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Chứa mại dâm”. Thời gian thử thách 03 năm,

Bị cáo không tranh luận gì thêm; Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn C tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02/01/2019 tại nhà nghỉ TN thuộc tổ dân phố 2, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo đã có hành vi sử dụng phòng nghỉ trọ số 03, số 08 nhà nghỉ TN do mình làm chủ sở hữu và quản lý, kinh doanh để cho Cao Thị L, Trần Thị C2 bán dâm cho Nguyễn Văn D, Lê Văn T để thu lợi bất chính số tiền 400.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Chứa mại dâm” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo gây ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hóa và trật tự trị an xã hội. Do đó, bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện. Xét thấy mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng đã xem xét đầy đủ đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có cung cấp thêm tình tiết mới đã nộp hết toàn bộ số tiền sung công quỹ Nhà nước và nộp án phí hình sự sơ thẩm thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Xét thấy

việc cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa tội phạm ở địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo có căn cứ cần được chấp nhận thẩm,

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo Nguyễn Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2019/HS-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ về phần hình phạt

Áp dụng khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Chứa mại dâm”. Thời gian thử thách 03 năm, thời hạn thi hành tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn C về cho UBND phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn C không phải chịu hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV

Công an tỉnh Đắk Lắk;

- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- VKSND Thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tùng

Hồ sơ gồm:

- 01 bằng tốt nghiệp Đại học luật;
- 02 ảnh 4x6;
- 02 phong bì dán tem;
- 01 phiếu đăng ký xét tuyển lý lịch;
- 01 sơ yếu lý lịch;
- Lệ phí xét tuyển mỗi người 150.000 đồng
(Mỗi người 02 bộ)